

Bản án số: 06/2018/HS-PT

Ngày 01 tháng 02 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Lê Thanh Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Triệu Ngọc Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 119/2017/TLPT-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo Thạch Thanh T và Mã Minh H. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2017/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Thạch Thanh T, sinh năm 1987 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Số C05/25, Khóm 3, Phường 8, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở : Đường L, Khóm 3, Phường 2, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Thạch D, sinh năm 1955 và bà Trần Thị P, sinh năm 1955; có vợ tên Trần Thị Kiều M, sinh năm 1992 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo tại ngoại, (có mặt).

2. Họ và tên: Mã Minh H (tên gọi khác: T), sinh năm 1991 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp H, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Số 79/395, Khóm 3, Phường 2, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Mã Sái N, sinh năm 1969 và bà Tạ Thu Q (đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1990 và có 01 người con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo tại ngoại, (có mặt).

- Nguyên đơn dân sự không kháng cáo:

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N; Địa chỉ trụ sở chính: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà P, số 20 đường G, Phường Đ, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông A, Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Trường S, sinh năm 1986 là nhân viên Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N (theo văn bản ủy quyền lập ngày 28/4/2017), (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, bị cáo Thạch Thanh T nhận được giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Đoàn Văn D. Do cần tiền tiêu xài nên ngày 31/10/2016 bị cáo Thạch Thanh T rủ bị cáo Mã Minh H dùng giấy chứng minh nhân dân của anh D nhưng dán ảnh của bị cáo T để mua điện thoại trả góp rồi bán lại thì bị cáo H đồng ý. Ngày 01/11/2016 các bị cáo T và H đến cửa hàng điện thoại di động FPT trên đường H, Khóm 1, Phường 3, thành phố L để mua trả góp điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime với giá 6.290.000đ. Để được mua trả góp cửa hàng FPT yêu cầu bị cáo T trả trước 1.887.000đ, còn 4.403.000đ thì vay của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N. Khi làm hợp đồng vay, T thì nhận với tên Đoàn Văn D còn H thì nhận là anh vợ của D. Nhân viên Công ty tin tưởng bị cáo T là Đoàn Văn D nên đồng ý ký hợp đồng cho bị cáo T vay 4.403.000đ. Sau khi mua được điện thoại, các bị cáo T và H khai nhận đem bán lại cho ông Trần Minh S, địa chỉ số 56, đường V, Khóm 2, Phường 3, thành phố L với giá trị là 4.987.000đ. Do bị cáo T mượn trước 1.887.000đ để trả cho cửa hàng FPT, nên ông S chỉ đưa thêm cho bị cáo số tiền 3.100.000đ. Số tiền này bị cáo T giữ 1.600.000đ và chia cho bị cáo H 1.500.000đ tiêu xài cá nhân, còn hợp đồng thì vứt bỏ và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Đến ngày 23/5/2017 Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N phát hiện bị cáo Thạch Thanh T dùng giấy tờ của người khác để vay tiền, nên trình báo sự việc với chính quyền địa phương.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Mã Minh H đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả với số tiền 1.500.000đ, đại diện hợp pháp của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N yêu cầu bồi thường số tiền còn lại là 2.903.000đ.

Đối với ông Trần Minh S mà bị cáo T và bị cáo H khai có liên quan đến vụ án. Xét thấy ngoài lời khai của bị cáo T và bị cáo H thì không có chứng cứ chứng minh ông S cho các bị cáo mượn tiền mua điện thoại và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2017/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Thạch Thanh T và Mã Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Thạch Thanh T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Mã Minh H (tên gọi khác T) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm, lãi suất, Luật thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11/12/2017, các bị cáo Thạch Thanh T và Mã Minh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu về việc giải quyết vụ án: Án sơ thẩm xử phạt các bị cáo Thạch Thanh T và Mã Minh H 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, khi quyết định hình phạt cho các bị cáo cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với án sơ thẩm, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 01/11/2016, bị cáo Thạch Thanh T đã rủ bị cáo Mã Minh H dùng giấy chứng minh nhân dân do bị cáo T nhặt được và bị cáo T đã thay đổi ảnh trong giấy chứng minh nhân dân để đi mua điện thoại tại cửa hàng FPT và ký hợp đồng vay tiền của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N để lấy tiền trả tiền mua điện thoại, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Nên, có căn cứ để xác định bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo bị cáo H cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[2] Tại thời điểm thực hiện hành vi, các bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, số tiền các bị cáo chiếm đoạt của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N là 4.403.000đ, nên việc truy tố, xét xử các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật, không xét xử oan các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp chiếm đoạt của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N số tiền 4.403.000đ mà có gây tâm lý hoang mang, mất lòng tin trong các giao dịch dân sự, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nên cần xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho các bị cáo và cũng để răn đe phòng ngừa chung.

Tuy số tiền các bị cáo chiếm đoạt chỉ 4.403.000đ, nhưng bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo người khác cùng phạm tội và bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản, sau khi sự việc xảy ra bị cáo chưa thể hiện sự ăn năn, hối cải và chưa khắc phục hậu quả cho Công ty, còn bị cáo H đã một lần bị xét xử 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã khắc phục cho Công ty số tiền 1.500.000đ, khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và phạt bị cáo T 06 tháng tù, bị cáo H 06 tháng tù chỉ ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong thời gian chuẩn bị xét xử các bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với án sơ thẩm, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, lãi suất, án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và Luật thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[5] Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin nhẹ hình phạt của các bị cáo Thạch Thanh T và Mã Minh H (tên gọi khác T), giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số

107/2017/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2017 Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố các bị cáo Thạch Thanh T và Mã Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Thạch Thanh T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Mã Minh H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2017/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu về trách nhiệm dân sự, lãi suất, án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm, Luật thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Thạch Thanh T và Mã Minh H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (02 bản); VKSND TP (01 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh (01 bản);
- TAND thành phố B (02 bản);
- CQĐT thành phố B (01 bản);
- Chi cục THA thành phố B (01 bản);
- Sở Tư pháp (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Nguyên đơn dân sự (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn